Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2018

河内，2018年7月18日

PHƯƠNG ÁN

PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2018

(Dự thảo) 草案

2018 年增发注册资本方案

(Kèm theo Tờ trình số 07/TT-HĐQT ngày 18 tháng 07 năm 2018)

（附件 2018 年 7 月 18 日董事会申请书编号《07/TT-HDQT》）

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

发行机构基本信息

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**
  公司名称：**越南投资证券股份公司**
- Tên Tiếng Anh: **VIET NAM INVESTMENT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
  英语名称 **VIET NAM INVESTMENT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **IVS**
  交易名称: **IVS**
- Trụ sở chính: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
  总部地址 越南河内纸桥郡陈维兴路 117 号 Charmvit Tower 一楼 9-10 号
- Điện thoại: (024) 3573 0073 Fax/传真: (024) 3573 0088
  电话：(024) 3573 0073
- Website: www.ivs.vn / ww.ivs.com.vn

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 69/UBCK – GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/08/2007

  营业执照编号《69/UBCK – GPHDKD》由越南证券委员会颁发于 2007 年 08 月 28 日

- Giấy phép điều chỉnh 06/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17/01/2018.

  更换营业执照编号《06/GPDC-UBCK》由越南证券委员会颁发于 2018 年 1 月 17 日

- Vốn điều lệ: 340.000.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt tỷ đồng)

  注册资本： 340.000.000.000 越南盾 （大写：叁仟肆佰亿盾）

- Ngành nghề kinh doanh 经营业务:
  - ✓ Môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán

    证券经纪、证券托管
  - ✓ Tự doanh chứng khoán

    证券自营
  - ✓ Tư vấn đầu tư chứng khoán

    证券咨询投资
  - ✓ Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác được pháp luật cho phép.

    财政咨询和其他合法金融服务

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

股票发行方案

1. Cơ sở pháp lý 法律基础

- *Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;*

  按照 2014 年 11 月 26 日 编号《68/2014/QH 13》企业法；
- *Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 ngày 29/06/2006;*

  根据 2006 年 6 月 29 日编号《70/2006/QH 11》证券法；
- *Căn cứ theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH 12 ngày 24/11/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

  根据 2010 年 11 月 24 日编号《62/2010/QH 12》证券法有关于证券法的修改补充；

- *Căn cứ theo Nghị định số 58/2012/NĐ - CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

  根据 2012 年 7 月 20 日编号《58/2012/ND - CP》议定关于规定及指导实施证券法和变更的证券法的若干内容；
- *Căn cứ theo Nghị định 60/2015/NĐ – CP của Chính phủ ngày 26/06/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*

  根据 2015 年 6 月 26 日编号《60/2015/ND – CP》议定关于规定及指导实施证券法和变更的证券法的若干内容；
- *Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam và các quy định hiện hành;*

  根据越南投资证券股份公司章程及现行规定；
- *Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 13/2018/NQ-HĐQT-IVS ngày 14 tháng 06 năm 2018 về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018.*

  根据 2018 年 6 月 14 日董事会决议编号《13/2018/NQ-HDQT-IVS》关于召开 2018 年临时股东大会

2. Sự cần thiết của việc tăng vốn điều lệ: 增发注册资本的必要性:

- Theo qui định của UBCK, hiện tại IVS với số vốn điều lệ là 340 tỷ đồng thì chưa được thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh và một số nghiệp vụ chứng khoán khác. Hiện tại IVS xếp vào hàng những Công ty chứng khoán có vốn điều lệ nhỏ, rất khó khăn trong việc cạnh tranh với các công ty chứng khoán khác trong việc triển khai các dịch vụ mới, đặc biệt là đầu tư tự doanh. Do đó việc IVS tăng vốn điều lệ lên **900 tỷ** đồng là rất cần thiết để Công ty có thể đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, mở rộng hoạt động kinh doanh trong đó có hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh, nâng cao sức cạnh tranh khẳng định vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

根据越南证券委员会规定，目前 IVS 的注册资本为 3400 亿盾，尚未达到开通衍生证券经纪业务和其他证券业务资质要求。IVS 是小型证券公司，难以跟其他证券公司在新的证券业务竞争，尤其是自营业务。为了提高市场竞争力，扩大投资经营，升级基础设施等，公司很有必要增加注册资本至 **9000 亿盾**。

- Việc tăng vốn điều lệ với sự tham gia của các đối tác chiến lược, các nhà đầu tư trong và ngoài nước có kinh nghiệm kinh doanh, khả năng về tài chính, có uy tín và thương hiệu trên thị trường sẽ giúp IVS tranh thủ được sự hỗ trợ về tài chính và kinh nghiệm quản lý thông qua đó phát triển khách hàng quốc tế, nâng cao uy tín, thương hiệu của IVS.

随着拥有业务经验，资本实力，信誉和市场品牌的战略合作伙伴的国内和外国投资者共同参与增资，将有助于 IVS 争取融资和管理经验的支持来开发外国客户，提高 IVS 公司品牌商誉。

3. Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ / 定向增发方案:

3.1 Quy mô phát hành/ 发行规模

Tên cổ phiếu chào bán **证券名称**	: Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Đầu tư Việt Nam : 越南投资证券股份公司
Loại cổ phần **股份种类**	: Cổ phần phổ thông 普通股份
Mệnh giá **面值**	: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần 每股 10.000（壹万盾）
Số lượng CP phát hành thêm **新增发股数**	: 56.000.000 (Năm mươi sáu triệu) cổ phần 56.000.000（**伍仟**陆**佰万**）股份
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá **按照面值发行总价值**	: 560.000.000.000 (Năm trăm sáu mươi tỷ) đồng 560.000.000.000 (伍仟陆佰亿）盾
Tổng số CP dự kiến sau phát hành **发行后总股数**	: 90.000.000 cổ phần (Chín mươi triệu) cổ phần 90.000.000 （玖仟万) 股份
Giá chào bán **发行价**	: 11.200 đồng/ cổ phần 每股 11.200 盾
Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành **发行后注册资本**	: 900.000.000.000 (Chín trăm tỷ) đồng ：900.000.000.000（玖仟亿）盾
Phương thức phân phối **分配方式**	: Chào bán riêng lẻ 定向增发

3.2 Đối tượng chào bán

Stt 序号	Nhà đầu tư 投资者名称	Quốc tịch 国籍	Số GPKD/ CMTND (Ngày cấp, nơi cấp) 营业执照编号/身份证	Địa chỉ 地址	Số cổ phần đang nắm giữ 正持股数	Số cổ phần đăng ký mua thêm 认购股数	
						Số lượng 数量	Giá trị 价值
1	Guotai Junan International Holdings Limited 国泰君安国际控股有限公司	Hong Kong 香港	51901974-000-03-18-5	27/F Low BLK Grand Millennium Plaza 181 Queen's rd Central Hong Kong		46.000.000	515.200.000.000
2	Công Ty TNHH DAZHONG (Việt Nam) International 越南大众国际有限公司	Việt Nam 越南	0314800991, Sở KHĐT TP HCM/ 胡志明市计划投资处	Tầng 2 , Tòa nhà VTP, số 8 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh 胡志明市，1 郡，Ben Nghe 坊，阮惠路 8 号 VTP 大厦 2 楼	8.333.000	5.000.000	56.000.000.000
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Tú 越秀投资股份公司	Việt Nam 越南	0107865359, Sở KHĐT Hà Nội 河内计划投资处	Ô 2308, tầng 23, tòa Tây Lotte Center, số 54 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội 河内巴亭郡柳佳路 54 号 Lotte Center 西楼，23 楼，No 2308	642.900	3.000.000	33.600.000.000
4	Công ty cổ phần đầu tư Y tế Việt An 月安医疗投资股份公司	Việt Nam 越南	3101036287, Cấp ngày 09/08/2017 do Sở	Số 10, Hà Văn Cách, Phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	0	1.000.000	11.200.000.000

			KHĐT Tỉnh Quảng Bình cấp/ 广平计划投资处	广平省洞海市 洞福坊 何文革路 10 号			
5	Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO1 VNECO1 电力建设股份公司	Việt Nam 越南	3203000512 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 03 năm 2010 do Sở KHĐT Tỉnh Đà Nẵng cấp，岘港计划投资处颁发	Số 489 Nguyễn Lương Bằng, P. Hiệp Hòa Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng 岘港市，莲沼郡，协和南坊，阮梁朋路 489 号		1.000.000	11.200.000.000
Tổng cộng/总共						**56.000.000**	**627.200.000.000**

3.3 Thời điểm phân phối: 分配时间

Trong năm 2018, ngay sau khi được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho Công ty được quyền chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

预计 2018 年，当证券委员会批准公司定向发行增资之日起。

3.4 Tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược: 选择合作伙伴的标准

- Đối tác chiến lược nước ngoài: là công ty đầu tư, tổ chức tài chính, công ty chứng khoán do Hội đồng Quản trị trình ĐHCĐ.

  外国战略合作伙伴：由董事会申请股东大会批准的投资机构、金融机构、证券公司；
- Đối tác chiến lược trong nước: Công ty cổ phần hoạt động hợp pháp tại Việt Nam do Hội đồng quản trị trình ĐHCĐ.

  国内战略合作伙伴：由董事会申请股东大会批准的越南；

4. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: 发行所筹集资金用途的计划

Sau khi hoàn tất đợt phát hành thêm cổ phần, số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành Công ty sẽ sử dụng vào các mục đích cụ thể như sau:

发行后所募集的资金用途具体如下：

ĐVT: đồng VN

单位：越南盾

STT **序号**	**Hạng mục đầu tư** **投资项目**	**Tổng mức đầu tư dự kiến** **预计投资总金额**
1	Mở rộng các hoạt động nghiệp vụ (nghiệp vụ phái sinh, cho vay ký quỹ, đầu tư tự doanh) 扩大公司业务 （衍生、融资、自营投资等业务）	560 tỷ đồng 5600 亿盾
a	*Nghiệp vụ phái sinh 衍生业务*	*110 tỷ đồng* *1100 亿盾*
b	*Cho vay ký quỹ 融资业务*	*200 tỷ đông* *2000 亿盾*
c	*Đầu tư tự doanh 自营投资*	*150 tỷ đồng*

		1500 亿盾
2	Mua trụ sở và mở rộng mạng lưới hoạt động 买职场并扩大规模	100 tỷ đồng 1000 *亿盾*
3	Đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT, xây dựng hệ thống CSDL chứng khoán cho bộ phận nghiên cứu, phân tích và triển khai các nghiệp vụ khác của công ty 继续投资升级信息技术系统, 给研究、分析部分提供证券数据库系统及展开公司其他业务。	Toàn bộ thặng dư vốn (nếu có) 全部资本多余部分（若有））
		560 tỷ đồng **5600 亿盾**

5. Hạn chế chuyển nhượng: 闲置转让

Số cổ phần phát hành riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng **02** năm, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

战略合作伙伴认购定向发行股份 发行完成之日起 限制转让**两年**。

6. Đăng ký chứng khoán và niêm yết bổ sung: 证券登记及补充上市

Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ theo phương án đã nêu sẽ được được lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và được niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội ngay sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định hiện hành.

发行成功后，上述新发行股份将在越南证券登记结算中心补充登记并在河内证交所补充上市。

7. Nội dung ủy quyền cho HĐQT: 授权董事会的内容

- Phương án tăng vốn, thời điểm tăng vốn, lựa chọn số lần tăng vốn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), niêm yết bổ sung cổ phiếu, phương án sử dụng vốn sau phát hành và xử lý các vấn đề sau phát hành theo các quy định hiện hành, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty và lợi ích của cổ đông.

  同时授权董事会决定：增发方案，增发时间，增发次数，碎股处理（若有），补充上市，发行后资金使用用途并按照现行规定处理发行后发生问题，确保公司和股东的利益。

- Lựa chọn và quyết định đối tác chiến lược khác thay thế để chào bán.
  选择及决定其他战略合作伙伴代替认购，
- Thực hiện các thủ tục hồ sơ đăng ký/xin phép phát hành và niêm yết bổ sung. Thực hiện thủ tục đăng ký với UBCKNN để sửa đổi thông tin về Vốn điều lệ theo kết quả thực tế phát hành trong Giấy phép thành lập hoạt động và Điều lệ Công ty.
  实现登记增发等有关手续。按照实际发行结果，向越南证券委员会申请变更公司注册资本，营业执照、公司章程等信息。

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định thông qua./.
申请股东大会批准。

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

代表董事会
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

执行副董事长

(đã ký)

ĐOÀN NGỌC HOÀN
团玉环